

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC I - THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2026/HS-ST

Ngày: 05/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Tuệ Tân

2. Ông Lê Văn Ngũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú - Thư ký, TAND khu vực 1 - Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 206/2026/TLST-HS ngày 28/4/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1009/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc T, Sinh năm 1990;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Số nhà A đường T, phường H, tỉnh Thanh Hóa; CCCD số: 038090071873

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Ngọc T1 (đã chết); Con bà: Đỗ Thị M, Sinh năm 1969; Chưa vợ, con.

Tiền án:

- Tại bản án số 275/HS-ST ngày 22/10/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Tại Bản án số 368/HS-ST ngày 24/12/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Ngày 30/06/2014, bị Toà án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 10 năm tù giam về tội “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp với 21 tháng 09 ngày tù chưa chấp hành án của bản án hình sự sơ thẩm số 368/HSST ngày 24/12/2013 của TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 năm 09 tháng 09 ngày tù. Ngày 09/3/2024 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không;

Tạm giữ từ ngày 27/01/2026 . Tạm giam từ ngày 05/02/2026 tại Phân trại tạm giam H (Cơ sở 2), Trại tạm giam Công an tỉnh T. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Nguyễn Văn P, Sinh năm 1986;

ĐKHKT và nơi ở hiện nay: Số nhà D đường H, phường H, tỉnh Thanh Hóa; CCCD số: 038086050388

Dân tộc: Kinh ; Giới tính : Nam ; Tôn giáo : Không ; Quốc tịch : Việt Nam ; Trình độ văn hoá: Lớp 6/12; Nghề nghiệp : Lao động tự do ; Con ông: Nguyễn Văn T2; sinh năm 1959 ; Con bà: Vũ Thị T3, sinh năm 1962; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1990. Có 01 con sinh năm 2012

Tiền án: Ngày 22/01/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xử phạt 09 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 07/02/2024 chấp hành xong hình phạt tù. Chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 25/08/2002, bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “xô sát đánh nhau”.

- Ngày 22/01/2010, bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Ngày 23/01/2007, bị Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 16/3/2007 chấp hành xong hình phạt tù.

Tạm giữ từ ngày 27/01/2026 . Tạm giam từ ngày 05/02/2026 tại Phân trại tạm giam Y (Cơ sở 1), Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

3. Nguyễn Văn V, Sinh năm 1991

HKNKT và nơi ở hiện nay : Số nhà D đường H, phường H, tỉnh Thanh Hóa; CCCD số: 038031042285

Dân tộc : Kinh ; Giới tính : Nam ; Tôn giáo : Không ; Quốc tịch : Việt Nam; Trình độ văn hoá: Lớp 3/12; ghề nghiệp : Lao động tự do ; Con ông: Nguyễn Văn H1, Sinh năm 1972; Con bà: Nguyễn Thị H2; Sinh năm 1980 (mẹ kế); mẹ đẻ : Nguyễn Thị H3, sinh năm 1973 ; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giữ từ ngày 27/01/2026 . Tạm giam từ ngày 05/02/2026 tại Phân trại tạm giam H (Cơ sở 2), Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh hóa. Bị cáo có mặt tại phiên Toà.

4. Trần C, Sinh năm 1986;

Nơi thường trú: Số nhà I đường T, phường H, tỉnh Thanh Hóa; CCCD số: 038086000353

Nơi ở hiện tại: Số nhà B đường M, phường H, tỉnh Thanh Hóa ;

Dân tộc : Kinh ; Giới tính: Nam ; Tôn giáo : Không ; Quốc tịch : Việt Nam; Trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Nghề nghiệp : Lao động tự do ; Con ông: Trần Quang T4, sinh năm 1955 ; Con bà: Nguyễn Thị Xuân K, sinh năm 1956; Vợ: Lê Thị Xuân H4, sinh năm 1993. Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2024 ; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

-Ngày 25/5/2016, bị Công an phường L xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

-Ngày 26/8/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xử phạt 13 tháng tù về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 10/5/2022 chấp hành xong hình phạt tù.

Tạm giữ từ ngày 27/01/2026 . Tạm giam từ ngày 05/02/2026 tại Phân trại tạm giam H (Cơ sở 1), Trại tạm giam Công an tỉnh T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Thị Xuân H4, sinh năm 1993;

Nơi thường trú: Số nhà A L, phường H, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện tại: Số nhà B M, phường H, tỉnh Thanh Hóa ; CCCD số: 038193042886

Dân tộc: Kinh; Giới tính : Nữ ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Văn B (đã chết); Con bà: Phạm Thị L, S năm 1973; Chồng: Trần C, Sinh năm 1986. Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2024 ; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 06/7/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xử phạt 08 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Tạm giữ từ ngày 27/01/2026 đến ngày 04/02/2026 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 30 phút, ngày 26/01/2026, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Công an phường H, tỉnh Thanh Hóa làm nhiệm vụ tuần tra tuyến đường M, thuộc phường H, tỉnh Thanh Hóa. Khi đi đến khu vực trước số nhà B đường M, phường H phát hiện Trần C đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu trắng BKS 29E1-091.06 có biểu hiện nghi vấn nên tổ công tác yêu cầu dừng phương tiện để kiểm tra. Quá trình kiểm tra, phát hiện bên trong tất chân bên trái của C 01 gói giấy bạc, kích thước (2x1)cm, bên trong chứa 05 viên nén hình trụ tròn màu đỏ. C khai nhận đây là ma túy loại hồng phiến của C cất giấu nhằm mục đích sử dụng.

Ngày 27/01/2026, Lê Thị Xuân H4, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn V và Nguyễn Ngọc T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú. Nguyễn Văn V giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu vàng đã qua sử dụng gắn thẻ

sim số 0968363397; Nguyễn Ngọc T giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 8 màu trắng; Nguyễn Văn P giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax màu xanh gắn thẻ sim số 0912936866, 01 túi nilon (sàng túi Zip) màu xanh tím than kích thước khoảng (05x08)cm bên trong có chứa 07 viên nén hình trụ tròn màu xanh và màu đỏ P khai là ma túy loại hồng phiến tàng trữ mục đích bán kiếm lời.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn P, kết quả không thu giữ được gì.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Ngọc T, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ tại gác xép trong nhà của T: 01 túi nilon màu trắng kích thước (02x04)cm bên trong có chứa 03 viên nén hình tròn màu đỏ, 01 túi nilon màu tím than kích thước khoảng (5x7)cm bên trong túi chứa 16 viên hình tròn màu đỏ.

Thu giữ trong túi quần bên trái 01 ống hút nhựa màu đen kích thước (01x02)cm hàn kín 02 đầu bên trong chứa 10 viên nén hình tròn màu đỏ. Nguyễn Ngọc T khai nhận là ma túy, tàng trữ để bán kiếm lời.

- Kết quả giám định ma túy thu của Trần C

Kết luận giám định số 807/KL-KTHS ngày 29/01/2026 của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa, Kết luận: 05 (năm) viên nén hình trụ tròn màu đỏ của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,492g (không phẩy bốn chín hai gam), loại: **Methamphetamnie**.

- Kết quả giám định ma túy thu của Nguyễn Văn P

Kết luận giám định số 808/KL-KTHS ngày 29/01/2026 của Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa, Kết luận:

+ 04 (bốn) viên nén hình trụ tròn màu đỏ của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng **0,395g** (không phẩy ba chín năm gam), loại: **Methamphetamnie**.

+ 03 (ba) viên nén hình trụ tròn màu xanh của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng **0,295g** (không phẩy hai chín năm gam), loại: **Methamphetamnie**.

- Kết quả giám định ma túy thu của Nguyễn Ngọc T

Kết luận giám định số 808/KL-KTHS ngày 29/01/2026 của Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa, Kết luận: 29 (hai chín) viên nén hình tròn màu đỏ của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng **3,033g** (ba phẩy không ba ba gam), loại: **Methamphetamnie**.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: Khoảng đầu tháng 01/2026 **Nguyễn Ngọc T** nảy sinh ý định mua ma túy hồng phiến về bán lại kiếm lời. T đến gầm cầu N, phường N, tỉnh Thanh Hóa mua được **41** viên ma túy hồng phiến của một người đàn ông tên T5 khoảng 40 tuổi, với giá 2.500.000đ. Sau khi mua được ma túy hồng phiến, T mang về nhà cất giấu để khi có khách hỏi mua thì bán lại kiếm lời. Khoảng 03 giờ 20 phút ngày 25/01/2026, khi T đang ở nhà thì có Nguyễn Văn P liên hệ với T hỏi mua 1.200.000đ ma túy hồng phiến, T đồng ý và hẹn P đến đầu

ngõ A đường T, phường H, tỉnh Thanh Hóa để giao dịch mua bán ma túy. Khoảng hơn 30 phút sau, P nhắn tin cho T với nội dung đã đến đầu ngõ A đường T, khi đó T lấy ra 12 viên ma túy hồng phiến bỏ vào một túi nilong màu tím than rồi đi ra ngõ gặp P. T đưa cho P 12 viên ma túy hồng phiến. Nhận ma túy xong P đưa lại cho T 1.200.000đ. Đến ngày 27/01/2026 khi thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Ngọc T, T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 29 viên ma túy hồng phiến còn lại T đang cất giấu nhằm mục đích để bán kiếm lời.

Sau khi mua được 12 viên ma túy hồng phiến, Nguyễn Văn P mang về nhà cất giấu nếu có ai hỏi mua thì bán lại kiếm lời. Khoảng 22 giờ ngày 26/01/2026 khi P đang đi chơi cùng Nguyễn Văn V có Lê Thị Xuân H4 gọi điện thoại cho P qua M1 hỏi mua 05 (năm) viên ma túy hồng phiến. P đồng ý, báo giá 05 (năm) viên ma túy hồng phiến là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) và bảo H4 liên hệ với Nguyễn Văn V để nhận ma túy. Lúc này H4 hỏi P để Trần C chồng của H4 nhận ma túy có được không, P trả lời “được”. Sau đó P đưa cho V 01 gói giấy bạc bên trong đựng 05 viên ma túy hồng phiến và bảo V giao ma túy cho H4 (P nói với V, Trần C chồng của H4 nhận ma túy thay cho H4). V đồng ý. Sau đó, H4 dùng số điện thoại 0838823236 gọi cho V, V hẹn H4 đến khu vực dọc đường bờ sông, đoạn ngã 3 đường T giao với đường L để nhận ma túy.

Sau khi H4 gọi điện cho V xong, H4 nói với C đi đến vị trí V hẹn rồi đưa cho V 700.000đ để nhận ma túy. Lúc này, V đến điểm hẹn, V bỏ gói giấy bạc đựng 05 viên ma túy hồng phiến vào trong vỏ bao thuốc lá rồi đặt trên mặt bàn cạnh bờ sông và đứng chờ C. Ít phút sau, V thấy C đi xe máy đến. C đưa cho V 700.000 đồng. Sau khi nhận tiền, V báo với C số ma túy 05 viên hồng phiến để trên bàn bên vệ đường cạnh bờ sông. Sau khi giao ma túy xong, V cầm số tiền 700.000đ về đưa cho P rồi V về nhà nghỉ ngơi. Số ma túy còn lại 07 viên hồng phiến P đang cất giấu nhằm mục đích để bán kiếm lời. Ngày 27/01/2026, khi được triệu tập đến Cơ quan điều tra làm việc, Nguyễn Văn P đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Về thu giữ đồ vật, xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS 29E1-091.06 là xe của Trần K1, sinh năm 1983, trú tại số nhà B đường N, phường T, thành phố Hà Nội (là anh trai của C). Chiếc xe trên Trần K1 mua năm 2011 của Trần Đức T6, sinh năm 1968, trú tại Số E, đường L, phường Ô, thành phố Hà Nội (nơi ở hiện tại số H đường H, phường N, Hà Nội) làm phương tiện đi lại và sinh hoạt cá nhân. Do Trần K1 đã làm mất giấy tờ mua bán xe nên chưa làm thủ tục cấp đổi lại đăng ký phương tiện được. Năm 2024, Trần K1 cho C mượn, anh K1 không biết việc C sử dụng chiếc xe trên đi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định.

***Về vật chứng vụ án:** Chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Thanh Hóa chờ xử lý theo quy định của pháp luật gồm:

+ 01 túi niêm phong ký hiệu PS3A 117210 được dán kín, niêm phong của phòng K2, Công an tỉnh T;

+ 01 túi niêm phong ký hiệu PS3A 117205 được dán kín, niêm phong của

phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Ream 8x, đã qua sử dụng, số Imei 862794052587891, gắn sim số 0969017690 thu giữ của T.

+ 01 điện thoại di động có chữ masstel, màu đen, gắn sim số 0972551011 và sim số 0838823236 thu giữ của C.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, đã qua sử dụng, gắn sim số 0968363397 thu giữ của V.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro max màu xanh, đã qua sử dụng, số Imei 355975760916159, gắn sim số 0912936866 thu giữ của P.

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- **Về nguồn gốc số ma túy của Nguyễn Ngọc T:** Do T không biết nhân thân lai lịch của người bán ma túy cho T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý.

- **Về hành vi sử dụng trái phép ma túy của Trần C:** Ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 26/01/2026, Trần C còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể: tối ngày 24/01/2026 Trần C mua 01 viên ma túy hồng phiên của một người giới thiệu tên là H2, ở phường Đ, tỉnh Thanh Hóa với giá 200.000đ. C và H2 giao dịch mua bán ma túy với nhau bằng tiền mặt, diễn ra vào ban đêm, chỉ có C và H2 biết. Bản thân C không biết người tên H2 tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, rà soát tại phường Đ, tỉnh Thanh Hóa nhưng trên địa bàn không có con người nào như C đã khai báo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý.

Căn cứ lời khai phù hợp với biên bản xét nghiệm nước tiểu của bị cáo, xác định Trần C đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Xác minh về nhân thân tại địa phương, Trần C không nằm trong diện quản lý nên Cơ quan điều tra chuyển Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thanh Hóa Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **Trần C** về hành vi ***“Sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”*** quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 30 Nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ. Hình thức phạt tiền; Mức phạt áp dụng là: 1.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKSKV1 ngày 24/4/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm q khoản 2 Điều 251 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025; Các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025. Các bị cáo Trần C và Lê Thị Xuân H4 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND khu vực 1 - Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo trong Cáo trạng và đề nghị HĐXX căn cứ điểm q

khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 đối với Nguyễn Ngọc T.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 đối với Nguyễn Văn P.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 đối với Nguyễn Văn V.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 đối với Trần C và Lê Thị Xuân H4.

Đề nghị xử phạt:

- Nguyễn Ngọc T từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/01/2026.

- Nguyễn Văn P từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/01/2026.

- Nguyễn Văn V từ 03 (ba) năm 09 (chín) tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/01/2026.

- Trần C từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/01/2026.

- Lê Thị Xuân H4 từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày (27/01/2026 – 04/02/2026).

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS. Khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

-Đề nghị tịch thu tiêu hủy khi án có hiệu lực pháp luật gồm:

+ 01 túi niêm phong ký hiệu PS3A 117210; 01 túi niêm phong ký hiệu PS3A 117205. Tất cả được dán kín, niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa.

-Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước khi án có hiệu lực pháp luật gồm:

+ 01 điện thoại di động Masstel, màu đen, dạng máy bàn phím, model izi10; 02 sim điện thoại gắn kèm điện thoại Masstel, màu đen thu giữ của Trần C; 01 điện thoại di động Iphone 15 Pro Max màu xanh, số Imei 355975760916159; 01 sim điện thoại gắn kèm điện thoại Iphone 15 Pro Max thu giữ của Nguyễn Văn P; 01 điện thoại Iphone 7 Plus dán decan, màu vàng, số Imei 355834080156741; 01 sim điện thoại gắn kèm điện thoại Iphone 7 Plus thu giữ của Nguyễn Văn V; 01 điện thoại di động Realme8, số I 862794052587891, điện thoại bị hỏng nút nguồn và nút tăng giảm âm lượng; 01 sim điện thoại gắn kèm điện thoại Ream 8 thu giữ của Nguyễn Ngọc T.

- Truy thu của Nguyễn Ngọc T 1.200.000đ tiền bán ma túy cho P mà có để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của Nguyễn Văn P 700.000đ tiền bán ma túy cho Trần C mà có để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

Tại phiên toà, các bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; Trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận:* Hồi 22 giờ 30 phút, ngày 26/01/2026, tại trước số nhà B đường M, phường H, tỉnh Thanh Hóa, Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Công an phường H, tỉnh Thanh Hóa phát hiện bắt quả tang Trần C có hành vi tàng trữ trái phép **0,492gam** ma túy loại, Methamphetamine.

-Đối với Nguyễn Ngọc T đã có hành vi: Bán trái phép **1,182 gam** chất ma túy, loại Methamphetamine cho Nguyễn Văn P vào ngày 25/01/2026 và cất giấu **3,033 gam** chất ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích bán kiếm lời. Tổng khối lượng T phải chịu trách nhiệm là **4,215 gam** chất ma túy, loại Methamphetamine

-Đối với Nguyễn Văn P đã có hành vi: Bán trái phép **0,492gam** chất ma túy, loại: Methamphetamine cho Trần C vào ngày 26/01/2026 và cất giấu **0,69gam** chất ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích bán kiếm lời. Tổng khối lượng chất ma túy P phải chịu trách nhiệm là **1,182 gam**, loại Methamphetamine

-Đối với Nguyễn Văn V đã có hành vi: Giúp Nguyễn Văn P bán trái phép **0,492gam** chất ma túy, loại Methamphetamine cho Trần C vào ngày 26/01/2026.

-Đối với Lê Thị Xuân H4 đã có hành vi: Liên hệ với Nguyễn Văn P mua ma túy giúp Trần C **0,492gam** chất ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản đầu thú, kết luận giám định, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Trần C, Lê Thị Xuân H4 phạm tội : Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, ảnh

hưởng đến sức khỏe con người và lan tràn tệ nạn nghiện hút ma túy; đồng thời là nguyên nhân phát sinh ra nhiều loại tội phạm khác.

[5] *Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- *Các tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn V, Trần C và Lê Thị Xuân H4 đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn P đã có tiền án, chưa được xoá án tích lại phạm tội mới do cố ý nên áp dụng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Các tình tiết giảm nhẹ:* Các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn V và Lê Thị Xuân H4 sau khi phạm tội đã đến Công an đầu thú. Đối với bị cáo Trần C có bố là người có công với cách mạng được tặng Huân chương Lao động nên các bị cáo đều được áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục các bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[6] *Xử lý vật chứng:*

+ Đối với 01 túi niêm phong ký hiệu PS3A 117210; 01 túi niêm phong ký hiệu PS3A 117205. Tất cả được dán kín, niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa. Đây là vật chứng vụ án và là vật cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu huỷ khi án có hiệu lực pháp luật. Theo điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Đối với 01 điện thoại di động Masstel, màu đen, dạng máy bàn phím, model izi10; 02 sim điện thoại gắn kèm điện thoại Masstel, màu đen thu giữ của Trần C; 01 điện thoại di động Iphone 15 Pro Max màu xanh, số Imei 355975760916159; 01 sim điện thoại gắn kèm điện thoại Iphone 15 Pro Max thu giữ của Nguyễn Văn P; 01 điện thoại Iphone 7 Plus, dán decan màu vàng, số Imei 355834080156741; 01 sim điện thoại gắn kèm điện thoại Iphone 7 Plus thu giữ của Nguyễn Văn V; 01 điện thoại di động Realme8, số I 862794052587891, điện thoại bị hỏng nút nguồn và nút tăng giảm âm lượng; 01 sim điện thoại gắn kèm điện thoại Ream 8 thu giữ của Nguyễn Ngọc T. Đây là vật chứng vụ án, các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước khi án có hiệu lực pháp luật theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 1.200.000đ tiền Nguyễn Ngọc T bán ma túy cho P mà có cần truy thu của T số tiền trên để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 700.000đ tiền Nguyễn Văn P bán ma túy cho Trần C mà có cần truy thu số tiền trên của P để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

[7] *Án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn P.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn V.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần C, Lê Thị Xuân H4.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Các bị cáo Trần C, Lê Thị Xuân H4 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất túy”.

Xử phạt: Nguyễn Ngọc T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/01/2026.

Xử phạt: Nguyễn Văn P 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/01/2026.

Xử phạt: Nguyễn Văn V 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2026.

Xử phạt: Trần C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/01/2026.

Xử phạt: Lê Thị Xuân H4 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày (27/01/2026 – 04/02/2026).

***Xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS. Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- *Tịch thu tiêu huỷ khi án có hiệu lực pháp luật gồm:* 01 túi niêm phong ký hiệu PS3A -117205; 01 túi niêm phong ký hiệu PS3A -117210. Tất cả dụng cụ ma túy còn lại sau giám định, được đóng dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa. Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 133/2026/KV1 ngày 06/5/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Thanh Hoá.

+ *Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm:* 01 điện thoại di động Masstel, màu đen, dạng máy bàn phím, model izi10; 02 sim điện thoại gắn kèm điện thoại Masstel, màu đen thu giữ của Trần C; 01 điện thoại di động Iphone 15 Pro Max màu xanh, số Imei 355975760916159; 01 sim điện thoại gắn kèm điện thoại Iphone 15 Pro Max thu giữ của Nguyễn Văn P; 01 điện thoại Iphone 7 Plus, dán decan màu vàng, số Imei 355834080156741; 01 sim điện thoại gắn kèm điện thoại Iphone 7 Plus thu giữ của Nguyễn Văn V; 01 điện thoại di động Realme 8, số Imei 862794052587891, điện thoại bị hỏng nút nguồn và nút tăng giảm âm lượng; 01 sim điện thoại gắn kèm điện thoại Ream 8 thu giữ của Nguyễn Ngọc T. Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 133/2026/KV1 ngày 06/5/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Thanh Hoá.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Ngọc T số tiền 1.200.000đ để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước khi án có hiệu lực pháp luật.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn P số tiền 700.000đ để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn V, Trần C, Lê Thị Xuân H4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND khu vực 1-Thanh Hoá;
- VPCSĐT CA tỉnh Thanh Hoá;
- Phòng PV06 CA tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Lý

